

PHỤ LỤC

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 1, LỚP 6, LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 CÁC TRƯỜNG THPT VÀ TRƯỜNG PT CÓ NHIỀU CẤP HỌC CÓ CẤP THPT THỰC HIỆN XÉT TUYỂN

(kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày / /2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên trường	Xã, phường	Chỉ tiêu (học sinh)			Ghi chú
			Lớp 10	Lớp 6	Lớp 1	
1	THPT Bàu Hàm	Bàu Hàm	313	227		
2	TH-THCS-THPT Greenfield	Bình An	8	28	50	
3	THPT Bình Long	Bình Long	480			
4	THPT Nguyễn Huệ A	Bình Long	405			
5	THPT Trần Phú	Bình Lộc	286			
6	THPT Đồng Xoài	Bình Phước	595			
7	THPT Nguyễn Du	Bình Phước	495			
8	THCS-THPT Lương Thế Vinh	Bom Bo	360	210		
9	THPT Bù Đăng	Bù Đăng	560			
10	THCS-THPT Đắc Mai	Bù Gia Mập	105	155		
11	THPT Cẩm Mỹ	Cẩm Mỹ	495			
12	THPT Chơn Thành	Chơn Thành	305			
13	THPT Chu Văn An A	Chơn Thành	325			
14	THPT Dầu Giây	Dầu Giây	630			
15	THPT Đa Kia	Đa Kia	245			
16	THPT Nhơn Trạch	Đại Phước	675			
17	THCS-THPT Đắc Lua	Đắc Lua	95	100		
18	THPT Đắc O	Đắc O	245			
19	THCS-THPT Lạc Long Quân	Định Quán	180	30		
20	THPT Định Quán	Định Quán	450			
21	THPT Đồng Phú	Đồng Phú	410			
22	THCS-THPT Đồng Tiến	Đồng Tâm	240	208		
23	TH-THCS-THPT Trần Quốc Tuấn	Hưng Thịnh	270		60	
24	THPT Điều Cải	La Ngà	420			
25	THPT Phú Ngọc	La Ngà	450			
26	THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	Long Bình	585			
27	TH-THCS-THPT Tân Hoà	Long Bình	360	90	60	
28	THPT Ngô Quyền A	Long Hà	160			
29	THCS-THPT Việt Hoa Quang Chánh	Long Khánh	225	45		
30	THPT Hoàng Diệu	Long Khánh	450			
31	THPT Văn Hiến	Long Khánh	765			
32	TH-THCS-THPT Liên kết Quốc Tế	Long Khánh	10	15	85	
33	TH-THCS-THPT Nguyễn Huệ	Long Khánh	140	70	70	
34	TH-THCS-THPT Trương Vĩnh Ký	Long Khánh	315	150	150	
35	THPT Long Phước	Long Phước	630			
36	THCS-THPT Tri Thức	Long Thành	175	220		
37	THPT Bình Sơn	Long Thành	450			

STT	Tên trường	Xã, phường	Chỉ tiêu (học sinh)			Ghi chú
			Lớp 10	Lớp 6	Lớp 1	
38	THPT Nguyễn Đình Chiểu	Long Thành	460			
39	TH-THCS-THPT Đinh Tiên Hoàng 2	Long Thành	292	47	25	
40	THPT Lộc Ninh	Lộc Ninh	540			
41	THPT Lộc Thái	Lộc Ninh	360			
42	THPT Lộc Hiệp	Lộc Quang	280			
43	THCS-THPT Minh Hưng	Minh Hưng	135	580		
44	THPT Lê Quý Đôn	Nghĩa Trung	400			
45	THCS-THPT Nguyễn Bình Khiêm	Nha Bích	200	112		
46	THPT Nguyễn Bình Khiêm	Nhon Trạch	585			
47	THCS-THPT Huỳnh Văn Nghệ	Phú Lý	205	216		
48	THCS-THPT Võ Thị Sáu	Phú Nghĩa	210	130		
49	THPT Nguyễn Khuyến A	Phú Riềng	455			
50	THPT Phú Riềng	Phú Riềng	400			
51	THPT Phước Long	Phước Long	450			
52	THCS-THPT Đăng Hà	Phước Sơn	110	89		
53	THPT Thống Nhất B	Phước Sơn	240			
54	THPT Sông Ray	Sông Ray	468			
55	THPT Tôn Đức Thắng	Tà Lài	450			
56	THPT Lê Quý Đôn	Tam Hiệp	520			
57	TH-THCS-THPT Bùi Thị Xuân	Tam Hiệp	1.350	270	72	
58	TH-THCS-THPT Đinh Tiên Hoàng	Tam Hiệp	1.660	180	70	
59	THPT Nguyễn Hữu Cảnh A	Tân Khai	495			
60	THCS-THPT Ngọc Lâm	Tân Phú	480	30		
61	THPT Thanh Bình	Tân Phú	585			
62	THPT Trần Phú A	Tân Quan	275			
63	THCS-THPT Tân Tiến	Tân Tiến	200	151		
64	THPT Vĩnh Cửu	Tân Triều	720			
65	THCS-THPT Tây Sơn	Thanh Sơn	180	178		
66	THPT Thanh Hòa	Thiện Hưng	420			
67	THPT Kiệm Tân	Thống Nhất	495			
68	THPT Ngô Sĩ Liên	Trảng Bom	495			
69	TH-THCS-THPT Trần Đại Nghĩa	Trảng Bom	1.350	900	490	
70	TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức	Trảng Bom	387	360	148	
71	TH-THCS-THPT Biên Hòa	Trảng Dài	400	160	140	
72	THPT Nguyễn Khuyến	Trần Biên	405			
73	TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn - Quyết Thắng	Trần Biên	450	450	175	
74	TH-THCS-THPT Quốc Tế Bắc Mỹ SNA Marianapolis - cơ sở Biên Hòa	Trần Biên	10	8	38	
75	TH-THCS-THPT Song ngữ Á Châu	Trần Biên	175	350	350	
76	TH-THCS-THPT Song ngữ Lạc Hồng	Trần Biên	180	232	203	
77	TH-THCS-THPT Thái Bình Dương	Trần Biên	60	70	90	
78	THCS-THPT Hùng Vương	Trị An	270	180		
79	THCS-THPT Suối Nho	Xuân Bắc	303	440		
80	THPT Võ Trường Toản	Xuân Đông	435			

STT	Tên trường	Xã, phường	Chỉ tiêu (học sinh)			Ghi chú
			Lớp 10	Lớp 6	Lớp 1	
81	THPT Xuân Hưng	Xuân Hòa	540			
82	THPT Xuân Thọ	Xuân Lộc	460			
83	TH-THCS-THPT Hồng Bàng	Xuân Lộc	540	45	90	